

BÀI IV: VĂN HỌC PHẬT TRUYỆN VÀ NHỮNG LIÊN QUAN

1. Giới Thiệu Chung

1.1. Khái Niệm Chung về Văn Học Phật Truyện

Văn học Phật truyện là những Phật điển kể về **cuộc đời đức Phật** trong kiếp hiện tại, cùng với những ngôn hành của ngài và các câu chuyện tiền thân ở kiếp quá khứ được kể lại. Văn học Phật truyện có nguồn gốc từ hình thức văn học truyện kể tán ngưỡng đức Phật, mang tính giáo dục, được quần chúng ưa chuộng và được truyền kể từ đời này sang đời khác bởi các Bhāṇaka¹. Là một thể loại văn học tiêu biểu có thể cho thấy sự phát triển của nền văn điển Phật giáo.

Theo sự phân loại văn học trong Phật điển, những hạng mục có mang những yếu tố của văn học Phật truyện là phần (6) itivuttaka, (7) jātaka, (8) adbhutadharma, (10) nidāna và (11) avadāna. Trong đó, Avadāna và Jātaka là hai thể loại tự sự chính; Nidāna (Nhân duyên) là chỉ cho những câu chuyện mang tính chất lời tựa về việc một pháp thoại nào đó đã được nói dựa trên sự kiện nhân duyên thế nào đó, Itivuttaka (Như thị ngữ) là những lời Phật dạy ngắn, và Adbhutadharma (Vị tăng hữu pháp) là những câu chuyện về sự hy hữu.

1.2. Văn học Avadāna

Avadāna (Pāli: apadāna) là thể loại văn học bao gồm Phật truyện, được sử dụng với phạm vi rộng. Về ý nghĩa, Avadāna (Hán Việt: Thí Dụ) là một thể loại tự sự đa nghĩa: vừa mang ý nghĩa là hành vi / hành động vĩ đại, vừa là sự minh họa nguyên lý nhân quả, giải thích kết quả (quả báo) hiện tại của một hành động (nghiệp) nào đó trong quá khứ. Trong luật tạng, avadāna được hiểu theo ý nghĩa **giáo huấn thí dụ**, tức câu chuyện được kể để phục vụ việc giáo huấn của giới luật. Nhân vật trung tâm **không chỉ là đức Phật mà cả chư đệ tử**. Các Avadāna đặc trưng của Luật tạng thường được biết đến là *Trường Avadāna*, *Đại Avadāna*,

¹ Bhāṇaka (√ bhaṇ) là người kể chuyện, người ngâm thơ thuộc lòng, người trì tụng và truyền thừa kinh điển bằng khẩu truyền.

Úc Nhĩ Avadāna, Nhị Thập Úc Nhĩ Avadāna,...

Sự phát triển của Avadāna còn được thể hiện qua các tác phẩm độc lập thuộc hệ Sanskrit và Đại thừa, tiêu biểu hiện còn những văn bản Sanskrit độc lập mang tên thể loại này như:

- Đại sự: Mahāvastu-avadāna (xem sau).
- Bách Dụ kinh: Avadānaśataka (Speyer ed.1902–1909). Gồm 100 chuyện cổ. Hán dịch tương đương là Tuyển Tập Bách Dụ Kinh 撰集百緣經 T 200 bởi Chi Khiêm 支謙 (223-253) và Bách Dụ Kinh 百喻經 T 209 do 僧伽斯那*Saṅghasena soạn, 求那毘地* Guṇavṛddhi dịch (năm 492).
- Thiên Dụ kinh: Divyāvadāna (Neil, Robert Alexander; Cowell, Edward B., 1886). Gồm 38 chuyện, hầu hết các chuyện trong đó là các Avadāna.
- ...

1.3. Văn học Jātaka

Jātaka là thể loại văn học kể về các **tiền kiếp** của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni khi Ngài còn là Bồ-tát, nhấn mạnh vào **sự hoàn thiện các Ba-la-mật (Pāramitā)** trong quá trình tu tập. Jātaka được xem là thể loại văn học có từ sớm và quan trọng trong văn học Phật giáo, tập trung vào việc mô tả các hành vi đạo đức và sự hi sinh của Bồ-tát dưới nhiều hình thái khác nhau (người, động vật, thần linh) nhằm tích lũy công đức và trí tuệ. Cấu trúc điển hình của Jātaka thường bao gồm một câu chuyện hiện tại, một câu chuyện quá khứ (cốt truyện chính), và một phần kết hợp, kết nối nhân vật quá khứ với Đức Phật. Tác phẩm tiêu biểu trong văn học Pāli là Jātaka Aṭṭhakathā (Bản Chú giải Jātaka), tập hợp hơn năm trăm câu chuyện.

Trong Hán tạng, các tác phẩm tương đương được gom trong Bộ Bản Duyên.

2. Phân loại văn học Phật truyện theo lịch sử

Theo các học giả Nhật Bản², Văn học Phật truyện được chia ra ba giai đoạn:

² 国訳一切経・本縁部 3, 解題、pp.10-14; 岩本裕 Iwamoto Yutaka, 1971, 「仏伝文学の成立」国訳一切経印度撰述部・月報, No. 28-29.

Thời kỳ I: Phật truyện được bao hàm trong kinh tạng và luật tạng, cụ thể là trong các điển tịch sau:

1. Suttanipata (kinh tập, Tiểu bộ), kinh Nālakasutta, Pabbajāsutta (Kinh Xuất Gia), Padhānasutta (Kinh Tinh Cần).
2. Kinh Trung bộ 123 (Hy Hữu Vị Tăng Hữu Pháp), tương đương Trung A-hàm 32.
3. Kinh Trường Bộ 6, tương đương Trường A-hàm 2.
4. Kinh Tiểu Bộ 14, Buddhavaṃsa (Kinh Phật Chứng Tánh).
5. Luật Pāli, Đại Phẩm Mahāvagga, Mahākhandhaka; Cullavagga, phẩm Ngoạ Toạ Cụ (senāsanakkhandhaka), phẩm Phá Tăng (Saṃghabhedakkhandhaka).
6. Luật Ngũ phần, phần thứ 3 Thọ Giới Pháp.
7. Luật Tứ phần, Thọ Giới Kiên Độ.
8. Căn Bản Hữu Bộ Tỳ Nại Da Xuất Gia Sự (Pravrajyā-vastu), Dục Sự (Bhaiṣajya-vastu), Tập Sự, Phá Tăng Sự (Saṃghabhedhavastu).
9. Luật Đại Chúng Bộ, Thuyết Xuất Thế Bộ: Mahāvastu.

Thời kỳ II: Phật truyện được biên tập thành kinh riêng biệt, cụ thể là:

1. Thái Tử Thuy Ứng Bồn Khởi Kinh 佛說太子瑞應本起經 (T.0185 支謙譯), Di Xuất Bò Tát Bồn Khởi Kinh 異出菩薩本起經 (T.0188 聶道真譯).
2. Tu Hành Bồn Khởi Kinh 修行本起經 (T.0184 竺大力譯 康孟詳譯), Trung Bồn Khởi Kinh 中本起經 (T.0196 曇果譯 康孟詳譯).
3. Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả Kinh 過去現在因果經 (T.0189 求那跋陀羅譯).
4. Lalitavistara (P. L. Vaidya (ed.) The Mithila Institute, 1958 (Buddhist Sanskrit Texts, 1). Salomon Lefmann hiệu chính và dịch ra tiếng Đức từ năm 1875. Bản dịch đầy đủ ra tiếng Pháp sau đó là bởi Foucaux, Édouard 1892.). Lalitavistara Phạn bản này tương đương với 方廣大莊嚴經 (T.0187 地婆訶羅譯), và 佛說普曜經 (T.0186 竺法護譯).
5. Jātakanidāna, (thuộc Âm Quang bộ Kāśyapiyas). Kinh điển Pāli, Tạng dịch tương đương là sKyes pa rabs kyi glen gzi.
6. Mahāvastu-avadāna. Hiệu chính Sanskrit bởi Émile Senart, Paris 1882-1897. Anh dịch có bản của Jones, J.J. (1949–56).
7. 佛本行集經 (T.0190 闍那崛多譯, thuộc Dharmagupta), được cho là tương đương với Mahāvastu.
8. 佛說衆許摩訶帝經 (T.0191 法賢譯).

v.v...

Thời kỳ III: Thời kỳ trước tác Phật truyện

Buddhacarita của Asvaghosa. Bản hiệu chính Sanskrit bởi Cowell (1893), Weller (1953), Johnston (1978); Bản dịch tiếng Anh bởi Johnston (1978), Cowell (1927). Bản Hán dịch là Phật Sở Hành Tán 佛所行讚 bởi曇無讖 Dharmakṣema (T.0192).

3. Những yếu tố được phát triển trong văn học Phật truyện

Nơi các Phật truyện trải qua các thời kỳ, từ thời kỳ I đến thời kỳ II và III ở trên, có những yếu tố cho thấy sự phát triển nội dung và tư tưởng, đặc biệt về mặt vũ trụ quan và vai trò của nhân vật trung tâm, gợi tưởng cho nền móng tư tưởng của Phật giáo Đại thừa. Sự phát triển này thể hiện qua các điểm sau:

(a) Đức Phật siêu nhiên

- Phật lực, thần thông siêu nhiên: Đức Phật được mô tả không chỉ là một bậc giác ngộ lịch sử, mà còn là một đấng toàn năng với thần thông vô biên, có khả năng thực hiện những phép lạ lớn lao hy hữu ngay từ khi đản sinh. Các chi tiết này làm nổi bật uy quyền và sự siêu việt của Ngài.
- Được chư thiên tôn kính: Việc chư thiên và các thế lực vũ trụ bày tỏ lòng tôn kính, quy phục Đức Phật (ví dụ: cúng dường khi đản sinh, hộ vệ khi xuất gia) trở thành yếu tố then chốt, củng cố vị thế tối cao của ngài trong vũ trụ quan.

(b) Bồ-tát đạo được nhấn mạnh

- Bồ-tát hạnh, thệ nguyện, hồi hướng: Văn học Phật truyện nhấn mạnh con đường vị tha của Bồ-tát, chứ không phải việc giải thoát cho bản thân (A-la-hán). Các câu chuyện tập trung mô tả chi tiết việc thực hành sáu ba-la-mật, đó là những hành động có chủ đích trong vô số kiếp. Và như vậy, thệ nguyện và hồi hướng công đức trở thành động lực chính.
- Giai vị Bồ-tát: Phật truyện và các kinh điển liên quan đề cập tư tưởng về các cấp độ tu tập của Bồ-tát (Thập địa), cho thấy Bồ-tát đạo là một lộ trình có hệ thống, kéo dài qua nhiều đại kiếp.

(c) Tư tưởng đa Phật và ứng thân

Phật truyện không chỉ kể về một Đức Phật Thích-ca duy nhất mà còn đề

cập đến các Đức Phật quá khứ và tương lai. Tư tưởng này đã mở rộng thời gian và không gian của Phật giáo ra ngoài phạm vi lịch sử. Và Phật truyện cũng cho thấy tư tưởng ứng thân Phật, tức đức Thích-ca là một ứng thân, hiện thân vì lòng từ bi, của pháp thân vĩnh hằng.

(d) Yếu tố hấp dẫn và Tự do sáng tác

Để hấp dẫn quần chúng và cạnh tranh với các trào lưu tôn giáo đương thời, Phật truyện giai đoạn sau đã tiếp thu những yếu tố thần thoại, vũ trụ học và phong cách tự sự hoành tráng tương tự như các thánh điển Purāṇa³, làm tăng tính kịch tính và quy mô của câu chuyện. Và việc sáng tác Phật điển (Buddhacarita của Asvaghosa) biểu hiện sự phóng khoáng về tư tưởng, không còn bị giới hạn nghiêm ngặt bởi khuôn khổ kinh tạng và luật tạng truyền thống.

4. Nội dung các Phật truyện tiêu biểu

Lalitavistara (Kinh Phương Quảng Du Hý): được xem vốn dĩ là tác phẩm Phật truyện của Hữu bộ, về sau được mở rộng theo khuynh hướng tư tưởng Đại thừa. Được viết bằng Sanskrit Phật giáo thời kỳ đầu, được suy đoán thành lập từ khoảng thế kỷ thứ 2 TTL đến khoảng thế kỷ thứ 4 STL. Nội dung gồm 27 phẩm.

Lalitavistara (Phương Quảng Du Hý / Thần Thông Du Hý)	方廣大莊嚴經 T187 (地婆訶羅 *Divākara CE 676–688 dịch)	仏説普曜經 T186 (Dharmarakṣa 230?–316 dịch)
1. Nidāna-parivarta	1. 序品	1. 論降神品
2. Samutsāha-	2. 兜率天宮品	
3. Kulapariśuddhi-	3. 勝族品	
4. Dharmāloka-mukha-	4. 法門品	2. 說法門品
5. Pracala-	5. 降生品	3. 所現象品
6. Garbhāvākraṇṭi-	6. 處胎品	4. 降神處胎品
7. Janma-	7. 誕生品	5. 欲生時三十二瑞品
8. Devakulopānayaṇa-	8. 入天祠品	6. 入天祠品
9. Ābharaṇa-	9. 寶莊嚴具品	

³ Purāṇa là thánh điển thần thoại nói về việc đản sinh và hành vi của các thần; sự sáng tạo, huỷ diệt và tái sinh của vũ trụ trong đạo Hindhu.

10. Lipiśālāsaṃdarśana-	10. 示書品	7. 現書品
11. Kṛṣigrāma-	11. 觀農務品	8. 坐樹下觀犁品
12. Śilpaśaṃdarśana-	12. 現藝品	9. 王爲太子求妃品 10. 試藝品
13. Saṃcodanā-	13. 音樂發悟品	
14. śvapna-	14. 感夢品	11. 四出觀品
15. Abhiniṣkramaṇa-	15. 出家品	12. 出家品
16. Bimbisāropasaṃkramaṇa-	16. 頻婆娑羅王勸受俗利品	13. 告車匿被馬品
17. Duṣkaracaryā-	17. 苦行品	14. 異學三部品
18. Nairāñjana-	18. 往尼連河品	15. 六年勤苦行品
19. Bodhimaṇḍagamana-	19. 詣菩提場品	16. 迦林龍品
20. Bodhimaṇḍavyūha-	20. 嚴菩提場品	
21. Māradharṣaṇa-	21. 降魔品	17. 召魔品 18. 降魔品
22. Abhisambodhana-	22. 成正覺品	19. 行道禪思品
23. Saṃstava-	23. 讚歎品	20. 諸天賀佛成道品
24. Trapuṣabhallika-	24. 商人蒙記品	21. 觀樹品 22. 商人奉粳品
25. Adhyeṣaṇā-	25. 大梵天王勸請品	23. 梵天勸助說法品
26. Dharmacakrapravartana-	26. 轉法輪品 (1)	24. 拘隣等品
	26. 轉法輪品 (2)	25. 十八變品 26. 佛至摩竭國品 27. 化舍利弗目連品 28. 優陀耶品
27. Nigama-	27. 屬累品	29. 歎佛品 30. 囑累品

Mahāvastu: Là Phật truyện được cho là của phái Xuất Thế bộ (Lokottaravadin) thuộc Đại Chúng bộ, mô tả cuộc đời đức Phật theo thể loại Avadāna, còn gọi là Mahāvastu-Avadāna. Được thành lập khoảng thế kỷ thứ 2 trước Tây lịch nhưng hoàn thành khoảng đến Thế kỷ thứ 4 sau Tây lịch. Là điển tịch có cấu trúc phức tạp về trật tự nội dung, đan xen nhiều Jātaka và chuyện kể khác. Thông tin văn bản đã có đề cập ở mục 2, hiện cũng có các bản hiệu chỉnh mới và các nghiên cứu chuyên sâu khác về Mahāvastu, nhưng bản của Senart và bản dịch của Jones là những công trình mang tính kinh điển và nền tảng.

Dưới đây, dựa vào phân đoạn của các nghiên cứu trên, liệt kê các chủ đề đại khái để biết nội dung sơ lược của điển tịch này. Chỗ có ba chấm là phần được

tinh lược, phần lớn là chuyện Jātaka.

Volume I:	
Nidāna	Mở đầu, Tán thán, Lịch sử Luật tạng.
Naraka	Miêu tả về các cõi địa ngục.
Svarga	Miêu tả các cõi trời.
Bahubuddha-sūtra	Nhiều vị Phật trong quá khứ.
Daśabhūmi	Mười Địa của Bồ-tát.
Buddha-guṇa	Các phẩm chất của Đức Phật.
Dīpaṃkara-vastu	Chuyện Bồ-tát được Phật Nhiên Đăng thọ ký. ...
Maṅgala-vastu	Chuyện về Đức Phật Maṅgala.
Vaiśālī-gamana	Đức Phật đến thành Tỳ-xá-ly. ...
Tri-Pakṣiṇa-vastu	Chuyện về ba con chim.
Pūrva-Vyādhi	Các trận dịch bệnh trong quá khứ.
Vaiśālī	Đức Phật tại Tỳ-xá-ly. ...
Volume II:	
Gotama-jāti	Sự ra đời của Thái tử Gotama và các sự kiện.
Asita-darśana	Tiên nhân A-tư-đà tiên đoán.
Gotama-carita	Tuổi trẻ của Gotama. ...
Yaśodharā-vivāha	Chuyện cầu hôn Da-du-đà-la. ...
Mahābhiniṣkramaṇa	Thái tử từ bỏ gia đình để xuất gia.
Suddhodana-svapna	Giấc mơ của vua Tịnh Phạn về việc xuất gia. ...
Carita	Hành trình khổ hạnh.
Syāma-jātaka	Chuyện tiền thân Syāma. ...
Māra-dharṣaṇa	Ma vương cám dỗ Bồ-tát trước khi giác ngộ. ...
Avalokita-sūtra I	(Bao gồm nhiều chuyện Jātaka).
Avalokita-sūtra II	Tiếp tục các câu chuyện.
Māra-vijaya	Sự chiến thắng thiên ma của Bồ-tát. ...
Volume III:	
Kuśa-jātaka	Chuyện tiền thân Kuśa. ...
Mahākāśyapa-pravrajyā	Đại Ca-diếp xuất gia.
Sāriputra-	Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên xuất gia.

Maudgalyāyana-pravrajyā	
Pañcaśata-vaṇij	Chuyện 500 thương nhân.
Kapilavastu-gamana	Đức Phật về thăm Ca-tỳ-la-vệ.
Kāka-jātaka	Chuyện tiền thân là Quạ; Là con voi chúa. ...
Asura-nivāraṇa	Chuyển hóa A-tu-la. ...
Padumāvatī-jātaka	Chuyện tiền thân Padumāvatī.
Pañcaśata-Śākya-pravrajyā	500 người thuộc dòng tộc Thích-ca xuất gia. ...
Mahāgovindiya-sūtra	Kinh Mahāgovindiya. ...
Bodhimūla-	Dưới cây Bồ-đề. ...
Dharma-cakra-pravartana	Chuyển Pháp Luân. ...

Tài liệu tham khảo

- Émile Senart (ed.), *Mahāvastu-Avadāna*, 3 vols., Paris 1882-1897.
- Jones, J.J. (trans.) (1949–56). *The Mahāvastu* (3 vols.) in *Sacred Books of the Buddhists*. London: Luzac & Co. vol. 1-3.
- 国訳一切経 kokuyaku issaikyo, 本縁部 honnen bu (vol.1-11).
- 岩本裕 Iwamoto yutaka, 1971, 「仏伝文学の成立」国訳一切経印度撰述部・月報,三蔵 (kokuyaku issaikyo indosenjyu bu, getsupou, tripiṭaka), No. 28-29.
- 高田修 Takata Osamu, 2004, 『仏教の説話と美術』(Mỹ thuật và truyện kể Phật giáo) 講談社学術文庫.
- 外蘭幸一 Hokazono kouitsu, 1994, ラリタヴィスタラの研究 (Nghiên cứu về Lalitavistara) 東大出版社.
- 平岡 聡『ブッダの大いなる物語—梵文『マハーヴァストゥ』全訳 (上&下) 大蔵出版 2010.